

Số: **701** /SGDDĐT-CTTTCNTX

Quảng Ngãi, ngày **26** tháng 4 năm 2022

V/v hướng dẫn công tác làm
hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp
THPT năm 2022

Kính gửi:

- Các Trường Trung học phổ thông;
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã;
- Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi;
- Trường Liên cấp TPGDQT-IEC Quảng Ngãi.

Thực hiện Công văn số 1523/BGDĐT-QLCL ngày 19/4/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quảng Ngãi hướng dẫn công tác làm hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2022, cụ thể như sau:

I. Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2022

1. Lịch làm hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT) theo Phụ lục 1

2. Quy định nơi hướng dẫn (tiếp nhận) hồ sơ đăng ký dự thi (gọi là đơn vị ĐKDT)

2.1. Các đơn vị ĐKDT được quy định theo Phụ lục 2

2.2. Tổ chức ĐKDT

a) Các đơn vị ĐKDT hướng dẫn (tiếp nhận) hồ sơ ĐKDT của các thí sinh:

- Thí sinh đang học lớp 12 năm học 2021-2022: Thực hiện ĐKDT trực tuyến trên Hệ thống quản lý thi (QLT) và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT tại trường phổ thông/trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX).

- Thí sinh tự do: Thực hiện ĐKDT và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT (nếu có) trực tiếp tại đơn vị ĐKDT (gồm các mã đơn vị ĐKDT từ 901 đến 913) theo Phụ lục 2.

b) Sở GDĐT thu hồ sơ ĐKDT của các thí sinh tự do, cụ thể:

- Thí sinh là quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang tại ngũ trong lực lượng Công an nhân dân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH;

- Thí sinh hoàn thành chương trình lớp 12 ở nước ngoài;

- Thí sinh vắng lại;

- Các trường hợp còn lại.

2.3. Các đơn vị ĐKDT tổ chức cho các đối tượng ĐKDT thực hiện theo đúng nội dung quy định tại khoản 2 Phụ lục II kèm theo Công văn số 1523/BGDĐT-QLCL ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT.

3. Nhân sự, cơ sở vật chất, thông tin tuyên truyền

3.1. Nhân sự, cơ sở vật chất

- Các đơn vị ĐKDT cử 03 cán bộ chịu trách nhiệm chính; gồm: 01 lãnh đạo đơn vị trực tiếp phụ trách công tác thi tốt nghiệp THPT, 01 cán bộ trực tiếp thực hiện tất cả các công đoạn của công tác thi tại đơn vị, 01 cán bộ có trình độ chuyên môn về tin học để sử dụng chương trình thi tốt nghiệp THPT năm 2022 phục vụ cho công tác hướng dẫn (nhập) hồ sơ và xử lý dữ liệu.

- Ngoài ra, căn cứ vào nội dung từng công việc và điều kiện thực tế của đơn vị, lãnh đạo đơn vị phân công thêm cán bộ, giáo viên tham gia ở một số công đoạn cần thiết.

- Các đơn vị ĐKDT cần chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ tốt nhất cho công tác thi tốt nghiệp THPT, như:

+ Bảng lớn để niêm yết các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT và Sở GDĐT, các thông tin liên quan đến kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và xét tuyển sinh vào ĐH; CĐGDMN năm 2022;

+ Máy vi tính, máy in để nhập dữ liệu và in danh sách thí sinh nộp hồ sơ ĐKDT và công tác xét tuyển vào đại học (ĐH); Cao đẳng giáo dục mầm non (CĐGDMN);

+ Văn phòng phẩm cần thiết phục vụ cho công tác thi tốt nghiệp THPT và đăng ký xét tuyển ĐH; CĐGDMN.

3.2. Thông tin, tuyên truyền

- Các đơn vị cần phải tổ chức thông báo, hướng dẫn cho thí sinh biết và hiểu rõ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế thi tốt nghiệp THPT, Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; những nội dung chỉ đạo, hướng dẫn về kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH; CĐGDMN của Bộ GDĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở GDĐT.

- Niêm yết đầy đủ tài liệu thi của Sở GDĐT đã tập hợp và gửi cho các đơn vị.

- Hướng dẫn thí sinh tìm hiểu thông tin tuyển sinh tại website của các trường ĐH; CĐSP (cơ sở đào tạo).

4. Hồ sơ ĐKDT (đối với thí sinh tự do)

4.1. Thu nhận, kiểm tra hồ sơ ĐKDT (đối với thí sinh tự do)

- Cán bộ tuyển sinh cần nghiên cứu kỹ tất cả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tài liệu liên quan đến kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

- Các đơn vị ĐKDT thực hiện thu: 02 Phiếu ĐKDT, bản photocopy 2 mặt Chứng minh nhân dân (hoặc Căn cước công dân) trên 1 mặt giấy A4, 02 ảnh 4x6 cm, bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT), một phong bì thư đã dán tem ghi rõ họ tên địa chỉ người nhận (đối với thí sinh tự do) để trong bì đựng hồ sơ theo mẫu của Bộ GDĐT, bản sao giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có), các giấy tờ khác có liên quan (nếu có); nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT. Sau khi đã nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in thông tin ĐKDT của thí sinh từ Hệ thống QLT, giao học sinh rà soát, ký xác nhận cá nhân.

- Kiểm tra kỹ nội dung tất cả các mục ghi bên ngoài bì đựng hồ sơ (là một phiếu ĐKDT), phiếu số 1 và phiếu số 2 phải đúng theo quy định và nội dung giữa các phiếu phải hoàn toàn giống nhau (không tẩy xóa).

*** Lưu ý hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng:**

- Bản sao Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên;

- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số, giấy chứng nhận để hưởng đối tượng ưu tiên 01 là bản sao giấy khai sinh trên đó ghi rõ dân tộc thuộc dân tộc thiểu số và sổ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc giấy tờ hợp pháp minh chứng thí sinh có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của Kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại Khu vực 1 trong thời gian học THPT;

- Đối với thí sinh thuộc đối tượng người có công với cách mạng hoặc con của người có công với cách mạng: Giấy chứng nhận để hưởng ưu tiên là bản sao Quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với người có công của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn ghi hồ sơ ĐKDT (Phụ lục 7 đính kèm)

4.3. Các yêu cầu đối với nội dung chung của hồ sơ ĐKDT (đối với thí sinh tự do):

- Hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do phải có chữ ký và đóng dấu của công an xã, phường, thị trấn nơi thí sinh đang cư trú tại phần quy định ở bên ngoài bì đựng phiếu ĐKDT.

- Thí sinh phải ký và ghi rõ họ tên ở phần quy định trong các phiếu ĐKDT.

- Cán bộ thu hồ sơ ĐKDT sau khi kiểm tra kỹ các nội dung của hồ sơ và các loại giấy tờ kèm theo phải ghi rõ ngày tháng năm nhận hồ sơ, ký tên, đóng dấu tại

phân quy định trong phiếu ĐKDT số 2 và trả lại ngay cho thí sinh lưu giữ làm căn cứ để Sở GDĐT, các cơ sở đào tạo giải quyết các trường hợp sai sót hoặc thất lạc về giấy báo thi, giấy báo điểm, giấy báo trúng tuyển,...

- Những thí sinh sau khi đã nộp hồ sơ ĐKDT, nhưng xin rút lại hồ sơ ĐKDT vì nhiều lý do, cán bộ tuyển sinh trả hồ sơ và **thu lại phiếu ĐKDT số 2 của hồ sơ đó** và lưu giữ theo quy định.

- Lãnh đạo, cán bộ tuyển sinh các đơn vị cần nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT để chỉ đạo, tổ chức thực hiện và hướng dẫn cho thí sinh làm hồ sơ ĐKDT.

II. Quy định các loại danh sách, hồ sơ bàn giao về Sở GDĐT (đối với thí sinh tự do)

1. Danh sách thí sinh ĐKDT đã ký tên lãnh đạo đơn vị và đóng dấu (mẫu MD2, in từ mục báo cáo);

2. Hồ sơ ĐKDT của thí sinh được **sắp xếp theo tên** của thí sinh trong Danh sách ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của **đơn vị ĐKDT**; gồm: Danh sách ĐKDT, bì hồ sơ ĐKDT gồm bản photocopy Chứng minh nhân dân, 2 ảnh 4x6 đựng trong bì ảnh, giấy tờ ưu tiên (nếu có), bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT), phong bì có dán tem ghi địa chỉ người nhận (đối với thí sinh tự do);

3. Phiếu ĐKDT in từ phần mềm (mỗi thí sinh 1 phiếu), thí sinh đã kiểm tra và ký xác nhận ghi rõ họ tên (bản photocopy);

Lưu ý: Sắp xếp Hồ sơ và Danh sách theo thứ tự: tên của thí sinh tự do chưa tốt nghiệp (TD); sau đó là thí sinh tự do chỉ đăng ký xét tuyển ĐH; CĐGD MN (TDO).

4. Biên bản tự kiểm tra hoặc kiểm tra chéo của đơn vị ĐKDT (bản photocopy).

III. Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT (thí sinh chưa tốt nghiệp THPT):

- Bì đựng Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT (theo mẫu) chứa 01 phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp; học bạ; giấy khai sinh (bản sao); bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung cấp (bản sao); các loại giấy tờ hợp lệ để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có); các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

- Chậm nhất đến ngày 10/6/2022, các đơn vị ĐKDT hoàn thành việc thu Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT, nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT. Sau khi đã nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in thông tin ĐKDT của thí sinh từ Hệ thống QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc cán bộ được phân công để tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận cá nhân.

- Đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm bảo quản Phiếu ĐKDT số 1, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT, danh sách thí sinh ĐKDT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, công tác xét công nhận tốt nghiệp và yêu cầu sửa chữa (nếu có).

Yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc những nội dung của văn bản hướng dẫn này, phân công cán bộ thường xuyên theo dõi và nhận các thông tin của Sở GDĐT về công tác thi tốt nghiệp THPT năm 2022 qua hộp thư điện tử của đơn vị, gửi thông tin phản hồi về Sở GDĐT qua địa chỉ email: **thituyensinhdh@quangngai.edu.vn**. Các khâu tiếp theo của kỳ thi, Sở GDĐT sẽ có văn bản hướng dẫn sau.

Trong quá trình thực hiện công tác làm hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2022, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ ngay với Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Trung học, điện thoại 0255.3824165/0905980115 hoặc Phòng Chính trị tư tưởng và Giáo dục Chuyên nghiệp - Thường xuyên, điện thoại: 0255.3824172/0914183579) để có hướng dẫn, giải đáp kịp thời. *Ưn*

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD Sở GDĐT;
- VP, TTr, KHTC Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDTrH, CTTTCNTX(hvt46).



Nguyễn Ngọc Thái

LỊCH LÀM HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 9010 /SGDDĐT-CTTTCNTX ngày 26/4/2022
của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức tập huấn Quy chế thi và nghiệp vụ tổ chức thi cho cán bộ làm công tác thi	Sở GDĐT	Các trường phổ thông, các trung tâm GDTX	Hoàn thành ngày 26/4/2022
2	- Lập và giao tài khoản cho thí sinh đang học lớp 12 năm học 2021-2022; - Thí sinh thử đăng ký dự thi (ĐKDT) trực tuyến trên Hệ thống quản lý thi. - Tổ chức cho thí sinh đang học lớp 12 năm học 2021-2022 ĐKDT trực tuyến.	Sở GDĐT	Các trường phổ thông, các trung tâm GDTX	- Từ ngày 26/4/2022 đến hết ngày 28/4/2022 - Từ ngày 26/4/2022 đến hết ngày 03/5/2022 - Từ ngày 04/5/2022 đến 17 giờ ngày 13/5/2022
3	Tổ chức cho thí sinh thuộc điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Quy chế thi ĐKDT trực tiếp; nhận Phiếu ĐKDT và nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT	Sở GDĐT	Đơn vị ĐKDT do Sở GDĐT quy định	Từ ngày 04/5/2022 đến 17 giờ ngày 13/5/2022
4	In danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên học sinh; thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên danh sách	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 21/5/2022
5	Kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh; bàn giao Danh sách thí sinh ĐKDT và Phiếu ĐKDT hoặc hoặc túi hồ sơ ĐKDT (đối với thí sinh tự do) cho Sở GDĐT	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Hoàn thành trước ngày 27/5/2022
6	Nhận Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, hồ sơ kèm theo; nhập dữ liệu xét công nhận tốt nghiệp của thí sinh vào Hệ thống QLT	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 10/6/2022

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI (ĐƠN VỊ ĐKDT) NĂM 2022

STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
1	000	Sở Giáo dục và Đào tạo	58 Hùng Vương	Thành phố Quảng Ngãi	
2	001	Trường THPT Trần Kỳ Phong	Xã Bình Nguyên	Huyện Bình Sơn	
3	002	Trường THPT Lê Quý Đôn	Xã Bình Trung	Huyện Bình Sơn	
4	003	Trường THPT Bình Sơn	TTr. Châu ỏ	Huyện Bình Sơn	
5	004	Trường THPT Vạn Tường	Xã Bình Tân Phú	Huyện Bình Sơn	
6	005	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn	Xã Bình Long	Huyện Bình Sơn	
7	006	Trường THPT Ba Gia	Xã Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh	
8	007	Trường THPT Tư thực Trương Định	Xã Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh	
9	008	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Ph. Trương Quang Trọng	Thành phố Quảng Ngãi	
10	009	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Ph. Trương Quang Trọng	Thành phố Quảng Ngãi	
11	010	Trường THPT Sơn Mỹ	Xã Tịnh Khê	Thành phố Quảng Ngãi	
12	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	Ph. Nguyễn Nghiêm	Thành phố Quảng Ngãi	
13	012	Trường THPT Lê Trung Đình	Ph. Chánh Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	
14	013	Trường THPT Chuyên Lê Khiết	Ph. Nghĩa Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	
15	014	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi	Ph. Quảng Phú	Thành phố Quảng Ngãi	
16	016	Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ	Ph. Nghĩa Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	

STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
17	018	Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi	Ph. Chánh Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	
18	019	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	TTr. La Hà	Huyện Tư Nghĩa	
19	020	Trường THPT Chu Văn An	TTr. La Hà	Huyện Tư Nghĩa	
20	021	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	Xã Nghĩa Thuận	Huyện Tư Nghĩa	
21	022	Trường THPT Thu Xà	Xã Nghĩa Hoà	Huyện Trà Bồng	
22	024	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	TTr. Chợ Chùa	Huyện Nghĩa Hành	
23	025	Trường THPT Nguyễn Công Phương	TTr. Chợ Chùa	Huyện Nghĩa Hành	
24	026	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	Xã Hành Thiện	Huyện Nghĩa Hành	
25	028	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	Xã Đức Nhuận	Huyện Mộ Đức	
26	029	Trường THPT Phạm Văn Đồng	TTr. Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	
27	030	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Xã Đức Thạnh	Huyện Mộ Đức	
28	031	Trường THPT Trần Quang Diệu	Xã Đức Lân	Huyện Mộ Đức	
29	032	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức	TTr. Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	
30	037	Trường THPT Ba Tơ	TTr. Ba Tơ	Huyện Ba Tơ	
31	038	Trường THPT Phạm Kiệt	Xã Ba Vì	Huyện Ba Tơ	
32	039	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tơ	TTr. Ba Tơ	Huyện Ba Tơ	
33	040	Trường THPT Minh Long	Xã Long Hiệp	Huyện Minh Long	
34	042	Trường THPT Quang Trung	Xã Sơn Thành	Huyện Sơn Hà	
35	043	Trường THPT Sơn Hà	TTr. Di Lăng	Huyện Sơn Hà	
36	044	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Xa Sơn Kỳ	Huyện Sơn Hà	

STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
37	046	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Xã Sơn Dung	Huyện Sơn Tây	
38	048	Trường THPT Trà Bồng	Xã Trà Sơn	Huyện Trà Bồng	
39	070	Trường THPT số 1 Đức Phổ	Phường Phổ Ninh	Thị xã Đức Phổ	
40	071	Trường THPT Lương Thế Vinh	Phường Phổ Ninh	Thị xã Đức Phổ	
41	072	Trường THPT số 2 Đức Phổ	Xã Phổ Khánh	Thị xã Đức Phổ	
42	073	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đức Phổ	Phường Nguyễn Nghiêm	Thị xã Đức Phổ	
43	074	Trường THPT Tây Trà	Xã Trà Phong	Huyện Trà Bồng	
44	075	Trường Liên cấp Thành phố Giáo dục Quốc tế - IEC Quảng Ngãi	Phường Chánh Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	
45	078	Trường THPT Lý Sơn	Lý Sơn	Huyện Lý Sơn	
46	079	Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Dung Quất)	Ph. Chánh Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	
47	080	Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Việt Hàn)	Ph. Chánh Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	
48	081	Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Cơ giới)	Ph. Chánh Lộ	Thành phố Quảng Ngãi	
49	901	Trường THPT Bình Sơn	TTr. Châu ỏ	Huyện Bình Sơn	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Bình Sơn
50	902	Trường THPT Ba Gia	Xã Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Sơn Tịnh
51	903	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	Ph. Nguyễn Nghiêm	Thành phố Quảng Ngãi	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi
52	904	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	TTr. La Hà	Huyện Tư Nghĩa	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Tư Nghĩa

STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
53	905	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	TTr. Chợ Chùa	Huyện Nghĩa Hành	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Nghĩa Hành
54	906	Trường THPT Phạm Văn Đồng	TTr. Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Mộ Đức
55	907	Trường THPT số 1 Đức Phổ	Phường Phổ Ninh	Thị xã Đức Phổ	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Đức Phổ
56	908	Trường THPT Ba Tơ	TTr. Ba Tơ	Huyện Ba Tơ	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Ba Tơ
57	909	Trường THPT Minh Long	Xã Long Hiệp	Huyện Minh Long	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Minh Long
58	910	Trường THPT Sơn Hà	TTr. Di Lăng	Huyện Sơn Hà	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Sơn Hà
59	911	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Xã Sơn Dung	Huyện Sơn Tây	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Sơn Tây
60	912	Trường THPT Trà Bồng	Xã Trà Sơn	Huyện Trà Bồng	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Trà Bồng và Tây Trà (cũ)
61	913	Trường THPT Lý Sơn	Lý Sơn	Huyện Lý Sơn	Thu nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do trên địa bàn huyện Lý Sơn

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2022

STT	Mã trường	Tên trường	Điện Thoại	Địa Chỉ	Khu Vực
1	001	Trường THPT Trần Kỳ Phong	02553850838	Xã Bình Nguyên, H. Bình Sơn	Khu vực 2 NT
2	002	Trường THPT Lê Quý Đôn	02553851024	Xã Bình Trung, H. Bình Sơn	Khu vực 2 NT
3	003	Trường THPT Bình Sơn	02553851226	TTr. Châu Ồ, H. Bình Sơn	Khu vực 2 NT
4	004	Trường THPT Vạn Tường	02553626900	Xã Tân Bình Phú, H. Bình Sơn	Khu vực 2 NT
5	005	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn	02553851417	Xã Bình Long, H. Bình Sơn	Khu vực 2 NT
6	006	Trường THPT Ba Gia	02553699234	Xã Tịnh Bắc, H. Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
7	007	Trường THPT Tư thực Trương Định	02556555899	Xã Tịnh Bắc, H. Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
8	008	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	02553842737	Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
9	009	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	02553841574	Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
10	010	Trường THPT Sơn Mỹ	02553843224	Xã Tịnh Khê, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
11	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	02553827024	Ph. Nguyễn Nghiêm, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
12	012	Trường THPT Lê Trung Đình	02553822627	Ph. Chánh Lộ, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
13	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết	02553715295	Ph. Nghĩa Lộ, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
14	014	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi	02553812166	Ph. Quảng Phú, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
15	015	Trường THPT Tư thực Nguyễn Bình Khiêm	02553711304	Ph. Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
16	016	Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ	02553827780	Ph. Nghĩa Lộ, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
17	017	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tịnh	02553842243	Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
18	018	Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi	02553822627	Ph. Chánh Lộ, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
19	019	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	02553910777	TTr. La Hà, H. Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
20	020	Trường THPT Chu Văn An	02553845613	TTr. La Hà, H. Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
21	021	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	02553845330	Xã Nghĩa Thuận, H. Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
22	022	Trường THPT Thu Xà	02553910559	Xã Nghĩa Hoà, H. Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
23	023	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tư Nghĩa	02553845530	TTr. La Hà, H. Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
24	024	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	02553861277	TTr. Chợ Chùa, H. Nghĩa Hành	Khu vực 2 NT
25	025	Trường THPT Nguyễn Công Phương	02553861659	TTr. Chợ Chùa, H. Nghĩa Hành	Khu vực 2 NT

STT	Mã trường	Tên trường	Điện Thoại	Địa Chỉ	Khu Vực
26	026	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành (trước 04/6/2021)	02553856251	Xã Hành Thiện, H. Nghĩa Hành	Khu vực 1
27	027	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hành	02553861209	Xã Hành Đức, H. Nghĩa Hành	Khu vực 2 NT
28	028	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	02553857256	Xã Đức Nhuận, H. Mộ Đức	Khu vực 2 NT
29	029	Trường THPT Phạm Văn Đồng	02553939115	TTr. Mộ Đức, H. Mộ Đức	Khu vực 2 NT
30	030	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	02553857700	Xã Đức Thạnh, H. Mộ Đức	Khu vực 2 NT
31	031	Trường THPT Trần Quang Diệu	02553855652	Xã Đức Lâm, H. Mộ Đức	Khu vực 2 NT
32	032	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức	02553214849	TTr. Mộ Đức, H. Mộ Đức	Khu vực 2 NT
33	033	Trường THPT Số 1 Đức Phổ (trước 01/02/2020)	02553858252	Xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Khu vực 2 NT
34	034	Trường THPT Lương Thế Vinh (trước 01/02/2020)	02553859448	Xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Khu vực 2 NT
35	035	Trường THPT Số 2 Đức Phổ (trước 01/02/2020)	02553970098	Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Khu vực 1
36	036	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đức Phổ (trước 01/02/2020)	02553859283	Thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Khu vực 2 NT
37	037	Trường THPT Ba Tơ	02553863244	TTr. Ba Tơ, H. Ba Tơ	Khu vực 1
38	038	Trường THPT Phạm Kiệt	02553890290	Xã Ba Vi, H. Ba Tơ	Khu vực 1
39	039	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tơ	02553863247	TTr. Ba Tơ, H. Ba Tơ	Khu vực 1
40	040	Trường THPT Minh Long	02553866195	Xã Long Hiệp, H. Minh Long	Khu vực 1
41	041	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Minh Long	02553866249	Xã Long Hiệp, H. Minh Long	Khu vực 1
42	042	Trường THPT Quang Trung (trước 04/6/2021)	02553880683	Xã Sơn Thành, H. Sơn Hà	Khu vực 1
43	043	Trường THPT Sơn Hà	02553864661	TTr. Di Lăng, H. Sơn Hà	Khu vực 1
44	044	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	02553885008	Xã Sơn Kỳ, H. Sơn Hà	Khu vực 1
45	045	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Hà	02553864268	TTr. Di Lăng, H. Sơn Hà	Khu vực 1
46	046	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	02553868126	Xã Sơn Dung, H. Sơn Tây	Khu vực 1
47	047	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tây	02553868144	Xã Sơn Dung, H. Sơn Tây	Khu vực 1
48	048	Trường THPT Trà Bồng	02553865773	Xã Trà Sơn, H. Trà Bồng	Khu vực 1
49	049	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trà Bồng	02553865240	Xã Trà Thủy, H. Trà Bồng	Khu vực 1
50	050	Trường THPT Tây Trà (trước 01/02/2020)	02553870146	Xã Trà Phong, H. Tây Trà	Khu vực 1
51	051	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tây Trà	02553870393	Xã Trà Phong, H. Tây Trà	Khu vực 1
52	052	Trường THPT Lý Sơn (trước 01/02/2020)	02553867530	Xã An Vĩnh, H. Lý Sơn	Khu vực 1
53	053	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lý Sơn	02553867531	Xã An Vĩnh, H. Lý Sơn	Khu vực 1

STT	Mã trường	Tên trường	Điện Thoại	Địa Chỉ	Khu Vực
54	054	Trường THPT Võ Nguyên Giáp (học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553842737	TTr Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
55	055	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553841574	TTr Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
56	056	Trường THPT Sơn Mỹ (học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553843224	Xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
57	057	Trung tâm DN-GDTX&HN huyện Sơn Tịnh (học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553842243	TTr Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
58	058	Trường THPT số 2 Đức Phổ (trước 25/01/2017)	02553970098	Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Khu vực 2 NT
59	060	Trường CĐN Kỹ thuật - Công nghệ Dung Quất (Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất)	02553616789	Xã Bình Hải, H. Bình Sơn	Khu vực 1
60	061	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (Trung cấp Kỹ thuật Quảng Ngãi) (TN từ năm 2016 đến năm 2019)	02553673871	Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
61	062	Trường TCN Kinh tế - Công nghệ Dung Quất (Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Dung Quất)	02553211134	Ph. Chánh Lộ, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
62	063	Trường Cao đẳng nghề Cơ giới (Cao đẳng Cơ giới)	02553823790	Xã Nghĩa Kỳ, H. Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
63	064	Trường Trung cấp nghề Đức Phổ (TN từ năm 2017 trở về trước)	02553976358	Thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Khu vực 2 NT
64	065	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (TN từ năm 2015 trở về trước)	02553673871	Xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT
65	066	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	02553718143	236, Hoàng Hoa Thám, P.Quảng Phú	Khu vực 2
66	068	Trường Cao đẳng Quảng Ngãi (Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghiệp Quảng Ngãi)	02552217077	Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
67	069	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	02553822904	Ph. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi	Khu vực 2
68	070	Trường THPT số 1 Đức Phổ (từ ngày 01/02/2020)	02553858252	Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	Khu vực 2
69	071	Trường THPT Lương Thế Vinh (từ 01/02/2020)	02553859448	Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	Khu vực 2
70	072	Trường THPT Số 2 Đức Phổ (từ 01/02/2020)	02553970098	Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ	Khu vực 1
71	073	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đức Phổ (từ 01/02/2020)	02553859283	Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	Khu vực 2
72	074	Trường THPT Tây Trà (từ 01/02/2020)	02553870146	Xã Trà Phong, H. Trà Bồng	Khu vực 1
73	075	Trường Liên cấp Thành phố Giáo dục Quốc tế -IEC Quảng Ngãi	02557301188	Phường Nghĩa Lộ	Khu vực 2
74	076	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành (từ 04/6/2021)	02553856251	Xã Hành Thiện	Khu vực 2 NT
75	077	Trường THPT Quang Trung (từ 04/6/2021)	02553880683	Xã Sơn Thành	Khu vực 2 NT
76	078	Trường THPT Lý Sơn (từ 01/02/2020)	02553867530	Lý Sơn, huyện Lý Sơn	Khu vực 1
77	800	Học ở nước ngoài_35	02553824172	58, Hùng Vương, TP Quảng Ngãi	Khu vực 2
78	900	Quân nhân, Công an tại ngũ_35	02553824172	58 Hùng Vương, TP Quảng Ngãi	Khu vực 2

DANH SÁCH CÁC XÃ KHÓ KHĂN, XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NĂM 2022

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định	Văn bản liên quan
1	01	Huyện Bình Sơn	01	Xã Bình An (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
2	01	Huyện Bình Sơn	02	Xã Bình Chánh (trước 15/3/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	539/QĐ-TTg
3	01	Huyện Bình Sơn	03	Xã Bình Châu (trước 15/3/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	539/QĐ-TTg
4	01	Huyện Bình Sơn	04	Xã Bình Đông (trước 01/01/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	596/QĐ-TTg; 539/QĐ-TTg
5	01	Huyện Bình Sơn	05	Xã Bình Hải (trước 15/3/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	539/QĐ-TTg.
6	01	Huyện Bình Sơn	06	Xã Bình Khương (trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
7	01	Huyện Bình Sơn	07	Xã Bình Thạnh (trước 01/01/2021)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
8	01	Huyện Bình Sơn	08	Xã Bình Trị (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg	
9	01	Huyện Bình Sơn	09	Bình Thuận (trước 15/3/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	131/QĐ-TTg
10	02	Huyện Sơn Tịnh	01	Xã Tịnh Đông (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
11	02	Huyện Sơn Tịnh	02	Xã Tịnh Giang (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND	
12	02	Huyện Sơn Tịnh	03	Xã Tịnh Hiệp (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND	
13	02	Huyện Sơn Tịnh	04	Xã Tịnh Giang (từ 28/4/2017 đến trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
14	02	Huyện Sơn Tịnh	05	Xã Tịnh Hiệp (từ 28/4/2017 đến trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
15	03	Thành phố Quảng Ngãi	01	Xã Tịnh Hòa (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg	
16	03	Thành phố Quảng Ngãi	02	Xã Tịnh Kỳ (trước 01/01/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
17	04	Huyện Tư Nghĩa	01	Xã Nghĩa Lâm (trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
18	04	Huyện Tư Nghĩa	02	Xã Nghĩa Sơn (trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
19	04	Huyện Tư Nghĩa	03	Xã Nghĩa Thọ (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
20	04	Huyện Tư Nghĩa	04	Xã Nghĩa Thắng (từ 01/02/2020 đến trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	861/QĐ-TTg
21	05	Huyện Nghĩa Hành	01	Xã Hành Dũng (trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
22	05	Huyện Nghĩa Hành	02	Xã Hành Nhân (trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
23	05	Huyện Nghĩa Hành	03	Xã Hành Thiện (trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
24	05	Huyện Nghĩa Hành	04	Xã Hành Tín Đông (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định	Văn bản liên quan
25	05	Huyện Nghĩa Hành	05	Xã Hành Tín Tây	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
26	06	Huyện Mộ Đức	01	Xã Đức Chánh (trước 01/01/2021)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
27	06	Huyện Mộ Đức	02	Xã Đức Lợi (trước 01/01/2021)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
28	06	Huyện Mộ Đức	03	Xã Đức Minh (trước 01/01/2021)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
29	06	Huyện Mộ Đức	04	Xã Đức Phong (trước 01/01/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	539/QĐ-TTg
30	06	Huyện Mộ Đức	05	Xã Đức Phú (trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
31	06	Huyện Mộ Đức	06	Xã Đức Thắng (trước 01/01/2021)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
32	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	01	Xã Phổ An (trước 01/01/2019)	ĐBKK	596/QĐ-TTg	
33	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	02	Xã Phổ Châu (trước 01/02/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
34	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	03	Xã Phổ Nhơn (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND	
35	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	04	Xã Phổ Phong (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND	
36	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	05	Xã Phổ Quang (trước 01/01/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
37	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	06	Xã Phổ Thạnh (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg	
38	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	07	Xã Phổ Vinh (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg	
39	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	08	Phổ Khánh (trước 01/02/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
40	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	09	Xã Phổ Nhơn (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	
41	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	10	Xã Phổ Phong (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	
42	08	Huyện Ba Tơ	01	Thị trấn Ba Tơ	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
43	08	Huyện Ba Tơ	02	Xã Ba Bích	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
44	08	Huyện Ba Tơ	03	Xã Ba Chùa (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
45	08	Huyện Ba Tơ	04	Xã Ba Cung (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND	
46	08	Huyện Ba Tơ	05	Xã Ba Dinh	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
47	08	Huyện Ba Tơ	06	Xã Ba Điền (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND	
48	08	Huyện Ba Tơ	07	Xã Ba Động (trước 04/12/2019)	ĐBKK		
49	08	Huyện Ba Tơ	08	Xã Ba Giang	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
50	08	Huyện Ba Tơ	09	Xã Ba Khâm	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
51	08	Huyện Ba Tơ	10	Xã Ba Lễ	ĐBKK	582/QĐ-TTg	

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định	Văn bản liên quan
52	08	Huyện Ba Tơ	11	Xã Ba Liên	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
53	08	Huyện Ba Tơ	12	Xã Ba Nam	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
54	08	Huyện Ba Tơ	13	Xã Ba Ngạc	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
55	08	Huyện Ba Tơ	14	Xã Ba Thành	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
56	08	Huyện Ba Tơ	15	Xã Ba Tiêu	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
57	08	Huyện Ba Tơ	16	Xã Ba Tô	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
58	08	Huyện Ba Tơ	17	Xã Ba Trang	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
59	08	Huyện Ba Tơ	18	Xã Ba Vi	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
60	08	Huyện Ba Tơ	19	Xã Ba Vinh	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
61	08	Huyện Ba Tơ	20	Xã Ba Xa	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
62	08	Huyện Ba Tơ	21	Xã Ba Cung (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	
63	08	Huyện Ba Tơ	22	Xã Ba Điền (từ 28/4/2017 đến trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
64	08	Huyện Ba Tơ	23	Xã Ba Động (từ 04/12/2019 đến trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	
65	08	Huyện Ba Tơ	24	Xã Ba Điền (từ 04/6/2021)	ĐBKK	861/QĐ-TTg	612/QĐ-UBND
66	09	Huyện Minh Long	01	Xã Long Hiệp	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
67	09	Huyện Minh Long	02	Xã Long Mai	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
68	09	Huyện Minh Long	03	Xã Long Môn	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
69	09	Huyện Minh Long	04	Xã Long Sơn (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
70	09	Huyện Minh Long	05	Xã Thanh An	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
71	10	Huyện Sơn Hà	01	Thị trấn Di Lăng	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
72	10	Huyện Sơn Hà	02	Xã Sơn Ba	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
73	10	Huyện Sơn Hà	03	Xã Sơn Bao	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
74	10	Huyện Sơn Hà	04	Xã Sơn Cao	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
75	10	Huyện Sơn Hà	05	Xã Sơn Giang	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
76	10	Huyện Sơn Hà	06	Xã Sơn Hạ (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
77	10	Huyện Sơn Hà	07	Xã Sơn Hải	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
78	10	Huyện Sơn Hà	08	Xã Sơn Kỳ	ĐBKK	582/QĐ-TTg	

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định	Văn bản liên quan
79	10	Huyện Sơn Hà	09	Xã Sơn Linh	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
80	10	Huyện Sơn Hà	10	Xã Sơn Nham	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
81	10	Huyện Sơn Hà	11	Xã Sơn Thành (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
82	10	Huyện Sơn Hà	12	Xã Sơn Thượng	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
83	10	Huyện Sơn Hà	13	Xã Sơn Thủy	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
84	10	Huyện Sơn Hà	14	Xã Sơn Trung	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
85	10	Huyện Sơn Hà	15	Xã Sơn Hạ (từ 04/6/2021)	Khó khăn	861/QĐ-TTg	612/QĐ-UBND
86	11	Huyện Sơn Tây	01	Xã Sơn Bua	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
87	11	Huyện Sơn Tây	02	Xã Sơn Dung	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
88	11	Huyện Sơn Tây	03	Xã Sơn Lập	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
89	11	Huyện Sơn Tây	04	Xã Sơn Liên	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
90	11	Huyện Sơn Tây	05	Xã Sơn Long	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
91	11	Huyện Sơn Tây	06	Xã Sơn Màu	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
92	11	Huyện Sơn Tây	07	Xã Sơn Mùa	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
93	11	Huyện Sơn Tây	08	Xã Sơn Tân	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
94	11	Huyện Sơn Tây	09	Xã Sơn Tinh	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
95	12	Huyện Trà Bồng	01	Thị trấn Trà Xuân (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
96	12	Huyện Trà Bồng	02	Xã Trà Bình (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
97	12	Huyện Trà Bồng	03	Xã Trà Bù	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
98	12	Huyện Trà Bồng	04	Xã Trà Giang	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
99	12	Huyện Trà Bồng	05	Xã Trà Hiệp	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
100	12	Huyện Trà Bồng	06	Xã Trà Lâm	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
101	12	Huyện Trà Bồng	07	Xã Trà Phú (trước 04/6/2021)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	447/QĐ-UBND; 861/QĐ-TTg
102	12	Huyện Trà Bồng	08	Xã Trà Sơn	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
103	12	Huyện Trà Bồng	09	Xã Trà Tân	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
104	12	Huyện Trà Bồng	10	Xã Trà Thủy	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
105	12	Huyện Trà Bồng	11	Xã Hương Trà (từ 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định	Văn bản liên quan
106	12	Huyện Trà Bồng	12	Xã Sơn Trà (từ 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
107	12	Huyện Trà Bồng	13	Xã Trà Phong (từ 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
108	12	Huyện Trà Bồng	14	Xã Trà Tây (từ 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
109	12	Huyện Trà Bồng	15	Xã Trà Thanh (từ 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
110	12	Huyện Trà Bồng	16	Xã Trà Xinh (từ 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
111	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	01	Xã Trà Khê (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
112	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	02	Xã Trà Lãnh (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
113	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	03	Xã Trà Nham (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
114	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	04	Xã Trà Phong (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
115	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	05	Xã Trà Quân (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
116	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	06	Xã Trà Thanh (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
117	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	07	Xã Trà Thọ (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
118	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	08	Xã Trà Trung (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
119	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	09	Xã Trà Xinh (trước 01/02/2020)	ĐBKK	582/QĐ-TTg	
120	14	Huyện Lý Sơn	01	Xã An Bình (trước 01/02/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	539/QĐ-TTg
121	14	Huyện Lý Sơn	02	Xã An Hải (trước 01/02/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	539/QĐ-TTg
122	14	Huyện Lý Sơn	03	Xã An Vĩnh (trước 01/02/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
123	14	Huyện Lý Sơn	04	Lý Sơn (từ 01/02/2020)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
124	15	Thị xã Đức Phổ (từ 01/02/2020)	01	Xã Phổ Châu (Từ 01/02/2020 đến trước 01/01/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
125	15	Thị xã Đức Phổ (từ 01/02/2020)	02	Xã Phổ Khánh (từ 01/02/2020 đến trước 15/3/2022)	ĐBKK	131/QĐ-TTg	
126	15	Thị xã Đức Phổ (từ 01/02/2020)	03	Xã Phổ Nhơn (từ 01/02/2020 đến trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	861/QĐ-TTg
127	15	Thị xã Đức Phổ (từ 01/02/2020)	04	Xã Phổ Phong (từ 01/02/2020 đến trước 04/6/2021)	Khó khăn	582/QĐ-TTg	861/QĐ-TTg

DANH SÁCH CÁC HUYỆN/ THỊ XÃ/THÀNH PHỐ NĂM 2022

STT	Mã tỉnh	Mã huyện	Tên huyện	Khu vực	Văn bản quy định
2	35	01	Huyện Bình Sơn	Khu vực 2 NT	
3	35	02	Huyện Sơn Tịnh	Khu vực 2 NT	
4	35	03	Thành phố Quảng Ngãi	Khu vực 2	
5	35	04	Huyện Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT	
6	35	05	Huyện Nghĩa Hành	Khu vực 2 NT	
7	35	06	Huyện Mộ Đức	Khu vực 2 NT	
8	35	07	Huyện Đức Phổ (trước 01/02/2020)	Khu vực 2 NT	Nghị Quyết số 867/NQ-UBTVQH14
9	35	08	Huyện Ba Tơ	Khu vực 1	
10	35	09	Huyện Minh Long	Khu vực 1	
11	35	10	Huyện Sơn Hà	Khu vực 1	
12	35	11	Huyện Sơn Tây	Khu vực 1	
13	35	12	Huyện Trà Bồng	Khu vực 1	
14	35	13	Huyện Tây Trà (trước 01/02/2020)	Khu vực 1	Nghị Quyết 867/NQ-UBTVQH14
15	35	14	Huyện Lý Sơn	Khu vực 1	
16	35	15	Thị xã Đức Phổ (từ 01/02/2020)	Khu vực 2	Nghị Quyết 867/NQ-UBTVQH14

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Mục SỞ GD&ĐT QUẢNG NGÃI, MÃ SỐ: 35 (đã in sẵn)

Mục Số phiếu: Nơi tiếp nhận đăng ký dự thi ghi, thí sinh không ghi mục này.

Mục 1, 2: Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (sau đây gọi tắt là Phiếu ĐKDT).

Mục 3: a) Nơi sinh của thí sinh chỉ cần ghi rõ tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương (tỉnh/thành phố), nếu sinh ở nước ngoài thí sinh chỉ cần ghi rõ tên quốc gia (theo tiếng Việt Nam). **b) Dân tộc** ghi đúng theo giấy khai sinh. **c) Quốc tịch nước ngoài** thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

Mục 4: Đối với CCCD hoặc CMND mẫu mới, ghi đủ 12 chữ số vào các ô tương ứng; đối với CMND mẫu cũ, ghi 9 chữ số vào 9 ô cuối bên phải, ba ô đầu để trống.

Mục 5: Mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận và mã xã/phường chỉ đối với các xã/phường thuộc Khu vực 1 sẽ do Bộ GD&ĐT quy định. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi/hộ khẩu thường trú hiện tại vào các ô tương ứng ở bên phải. Thí sinh không có nơi/hộ khẩu thường trú tại xã Khu vực 1 thì bỏ trống ô mã xã. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố vào dòng trống. Đối với thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng hoặc khu vực có liên quan đến nơi thường trú/hộ khẩu thường trú, đề nghị phải khẳng định thời gian có nơi thường trú/hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 hoặc trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn, xã có thôn đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Mục 6: Ghi tên trường và địa chỉ đến huyện/quận, tỉnh/thành phố của trường vào dòng kẻ chấm. Ghi mã tỉnh nơi trường đóng vào 2 ô đầu, ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (mã trường ghi theo quy định của Sở GD&ĐT, nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên ghi số 0, nếu mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên ghi số 0). Đối với thí sinh là công an, quân nhân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐSP thì ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh nơi đóng quân và mã trường THPT là 900. Đối với thí sinh có thời gian học ở nước ngoài thì những năm học ở nước ngoài ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh/thành phố theo nơi/hộ khẩu thường trú tại Việt Nam và mã trường THPT là 800. Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với học sinh là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT ghi “TD”, đối với học sinh là thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT ghi “TDO”.

Mục 7: Ghi rõ điện thoại, email. Đối với thí sinh có yêu cầu điều chỉnh đăng ký xét tuyển tuyển sinh trực tuyến, cần đăng ký số điện thoại di động của mình để được

cấp mật khẩu sử dụng một lần (OTP) qua tin nhắn đảm bảo cho sự bảo mật khi đăng ký xét tuyển trực tuyến.

Mục 8: Thí sinh phải ghi rõ thông tin của người liên hệ: họ tên; số điện thoại; địa chỉ xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ ngách), xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố. Địa chỉ này đồng thời là địa chỉ nhận Giấy báo trúng tuyển nếu thí sinh trúng tuyển.

Mục 9: Thí sinh có nguyện vọng lấy kết quả dự thi để xét tuyển sinh đại học; cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

Mục 10: Thí sinh bắt buộc phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để biểu thị rõ thí sinh học theo chương trình THPT hay chương trình GDTX cấp THPT.

Mục 11: Đối với thí sinh tự do phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để phân biệt rõ là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT hay đã tốt nghiệp THPT (tính đến thời điểm dự thi).

Mục 12: Thí sinh đăng ký dự thi tại Hội đồng thi nào thì ghi tên Hội đồng thi và mã Hội đồng thi do Bộ GDĐT quy định vào vị trí tương ứng.

Mục 13: Học sinh đang học lớp 12 THPT tại trường nào thì nộp ĐKDT tại trường đó. Các đối tượng khác nộp ĐKDT tại các địa điểm do Sở GDĐT quy định. Mã đơn vị ĐKDT ghi theo hướng dẫn của nơi nhận ĐKDT.

Mục 14: Đối với thí sinh hiện đang là học sinh lớp 12 (chưa tốt nghiệp THPT) phải đăng ký bài thi tại điểm **a**, thí sinh không được phép chọn các môn thi thành phần ở điểm **b**. Đối với thí sinh tự do, tùy theo mục đích dự thi, tùy theo việc lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển đại học, cao đẳng có thể chọn cả bài thi (tại điểm **a**) hoặc chỉ chọn một số môn thành phần (tại điểm **b**) cho phù hợp. Thí sinh chỉ được đăng ký một bài thi tổ hợp (KHTN hoặc KHXX). Thí sinh tự do chỉ được đăng ký môn thi thành phần trong cùng một bài thi tổ hợp. Trường hợp thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT có những bài thi/môn thi (để xét công nhận tốt nghiệp THPT) năm trước đủ điều kiện bảo lưu, nếu muốn bảo lưu bài thi/môn thi nào thì phải ghi điểm bài thi/môn thi đó ở **Mục 16**. Tuy nhiên, thí sinh vẫn có thể chọn thi bài thi/môn thi thành phần (đã đề nghị bảo lưu) để lấy kết quả xét tuyển sinh đại học, cao đẳng. Đối với thí sinh học theo chương trình GDTX có thể chọn bài thi Ngoại ngữ nếu có nguyện vọng sử dụng môn Ngoại ngữ trong tổ hợp môn xét tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Cách chọn bài thi/môn thi thành phần: Thí sinh đăng ký dự thi bài thi/môn thi thành phần nào thì đánh dấu (X) vào ô bài thi/môn thi thành phần tương ứng, riêng đối với bài thi Ngoại ngữ thí sinh điền mã số tương ứng với ngôn ngữ cụ thể như sau: **N1** - Tiếng Anh; **N2** - Tiếng Nga; **N3** - Tiếng Pháp; **N4** - Tiếng Trung Quốc; **N5** - Tiếng Đức; **N6** - Tiếng Nhật; **N7** - Tiếng Hàn. Thí sinh chỉ được chọn các môn thi thành phần trong một bài thi tổ hợp.

Mục 15: Đối với thí sinh có nguyện vọng miễn thi bài thi môn Ngoại ngữ, cần ghi

rõ loại chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT Đối với loại chứng chỉ có ghi điểm thi (điểm toàn bài thi), thí sinh phải ghi điểm vào ô “**Điểm thi**”.

Ví dụ:

15. Đăng ký miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để tuyển sinh: *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi):*

TOEFL ITP **Điểm thi** *(Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này):*

Mục 16: Thí sinh đã dự thi THPT năm trước, nếu có những bài thi/môn thi đủ điều kiện bảo lưu theo quy định, thí sinh muốn bảo lưu điểm của bài thi/môn thi nào thì ghi điểm bài thi/môn thi đó vào ô tương ứng (Lưu ý: Đối với bài thi tổ hợp, thí sinh được quyền bảo lưu kết quả của từng môn thi thành phần nếu đủ điều kiện, để bảo lưu điểm toàn bài của bài thi tổ hợp nào, thí sinh phải ghi điểm của tất cả các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp đó). Đối với những bài thi/môn thi được bảo lưu, thí sinh vẫn có thể đăng ký dự thi (bài thi hoặc môn thi thành phần) ở **Mục 14** chỉ trong trường hợp có nguyện vọng sử dụng kết quả thi xét tuyển sinh đại học, cao đẳng./.